

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ DẦU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 15-7-2022
V/v: “Tranh chấp ly hôn và nuôi
con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Kim Quyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Thúy
2. Bà Phạm Thị Thúy Hằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Anh Thư – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Lương Bá Xanh – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 332/2021/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2021 về “Tranh chấp ly hôn và nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2022/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2022, giữa:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1992 (vắng mặt).
 2. Bị đơn: Chị Kiều Thị Thùy L, sinh năm 1989 (vắng mặt).
- Cùng địa chỉ: Tổ 23, ấp XM 2, xã TP, huyện GD, tỉnh TN.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn anh Nguyễn Văn L trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Kiều Thị Thùy L chung sống với nhau vào năm 2013, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TP vào năm 2014, nữ trang ngày cưới hiện không còn nên không

yêu cầu giải quyết. Sau khi kết hôn anh chị sinh sống tại ấp XM 2, xã TP, huyện GD, tỉnh TN.

Vợ chồng anh chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống và tiền bạc trong gia đình nên thường xuyên gây gỗ, đã được cha mẹ hai bên gia hàn gắn nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, hiện anh chị vẫn sống chung nhà nhưng không tâm chăm sóc lẫn nhau, việc ai nấy làm. Nay anh yêu cầu được ly hôn với chị L.

Về con chung: Có 01 người là cháu Nguyễn Hoàng D, sinh ngày 21-11-2014 hiện vẫn đang sống chung với anh chị, anh đồng ý giao con chung cho chị L nuôi dưỡng, cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng đến khi cháu D thành niên. Sau đó, anh có đơn xin thay đổi ý kiến về việc không cấp dưỡng nuôi con do hiện không có điều kiện về kinh tế.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên anh không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn chị Kiều Thị Thùy L: Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ để thu thập chứng cứ theo đúng quy định của pháp luật nhưng chị L không đến Tòa án để làm việc và cũng không có ý kiến bằng văn bản đối với yêu cầu khởi kiện của anh L.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn anh Long đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng bị đơn chị Linh không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ các điều 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử: Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh L đối với chị L. Về con chung: Giao cháu D cho chị L tiếp tục trong nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, anh L thay đổi ý kiến không cấp dưỡng nuôi con, chị L không triệu tập được nên về cấp dưỡng nuôi con không đặt ra giải quyết. Về tài sản chung: Không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết. Về nợ chung: Không có nên không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh L vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 02 mà vẫn vắng mặt không có lý do nên vụ án vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Anh L và chị L chung sống với nhau vào năm 2013, hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TP, huyện GD vào năm 2014 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Nay anh L có yêu cầu ly hôn với chị L Tòa án thụ lý và giải quyết theo thủ tục chung.

Xét yêu cầu ly hôn của anh L: Theo anh L giữa anh và chị L có xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên gây gổ về vấn đề tiền bạc, đã được hai bên thông gia hàn gắn nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Đối với chị L, trong quá trình giải quyết vụ án nhiều lần Tòa án triệu tập để trình bày ý kiến và hòa giải nhưng vẫn cố tình không đến, thể hiện chị L có ý thức bỏ mặc hôn nhân giữa anh chị và cũng không có thiện chí để đoàn tụ cùng anh L. Cho thấy, giữa anh chị có xảy ra mâu thuẫn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh L đối với chị L là phù hợp theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Hoàng D, sinh ngày 21-11-2014 hiện vẫn đang sống chung với anh chị, anh L đồng ý giao cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng và tự nguyện cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu D thành niên. Sau đó anh có đơn xin thay đổi ý kiến về việc không đồng ý cấp dưỡng nuôi con do hiện tại không có điều kiện về kinh tế.

Xét thấy, hiện cháu D vẫn đang do chị L nuôi dưỡng ổn định, việc giao con chung của anh L cho chị L phù hợp với điều kiện thực tế là cháu D đang sống cùng với chị L Hội đồng xét xử chấp nhận là phù hợp theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Do không làm việc được với chị L nên việc cấp dưỡng nuôi con sẽ được giải quyết trong một vụ án khác khi đương sự có yêu cầu.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không giải quyết.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Anh L phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình và khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Văn L đối với chị Kiều Thị Thùy L. Anh L được ly hôn với chị L.

2. Về con chung: Giao chị L có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Hoàng D, sinh ngày 21-11-2014. Cấp dưỡng nuôi con không đặt ra giải quyết.

Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không giải quyết.

4. Về án phí: Anh L phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm ngàn) đồng anh L đã nộp theo biên lai thu số 0023902 ngày 17-12-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Dầu. Anh L đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- CC.THADS huyện Gò Dầu;
- UBND xã TP;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Kim Quyên